

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 4- 5- 2021

V/v: *Yêu cầu ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Chúc

Ông Trần Văn Trọng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ

Ngày 4 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐ-HPT ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích P - sinh năm: 1972

Trú tại: 8Ô3/30 khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn L - sinh năm: 1970

Trú tại: khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 4 tháng 01 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích P trình bày:

Vào năm 1989, bà Trần Thị Bích P và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 305 quyển số 3 ngày 02 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng về chung sống tại khu phố P, thị trấn H. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, ông L nghiện rượu, không kìm chế được bản thân nên có lời nói và hành động xúc phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể bà L. Do vậy, vợ chồng chung sống nhưng

không mang lại hạnh phúc và bà P thường bỏ nhà đi trốn. Nay, bà P không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà P xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Quang L, sinh năm 1990 và Lê Ánh L, sinh năm 1992. Các con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn L: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông L từ chối không nhận văn bản tố tụng cũng không đến Tòa nên không thể lấy ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn L hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bích P và ông Lê Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét, quá trình chung sống, bà Trần Thị Bích P xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông L nghiện rượu, khi say không kìm chế được bản thân, đã có lời nói và hành động xúc phạm đến bà P. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phải ly thân nhau. Nay, bà P xác định hai vợ chồng không thể quay về đoàn tụ vì không còn tình cảm dành cho nhau nên yêu cầu ly hôn.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông L đến tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên quay về đoàn tụ nhưng ông L

không nhận văn bản tố tụng, không đến tham gia giải quyết, bỏ mặc bà P muốn làm gì thì làm, điều đó cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình. Từ khi ly thân đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chia sẻ lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] **Về con chung:** Căn cứ vào lời trình bày của bà P và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định bà P và ông L có 02 con chung là Lê Quang L, sinh năm 1990 và Lê Ánh L, sinh năm 1992. Xét, các con chung đã thành niên, bà P xác định có khả năng tự lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà P và ông L đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] **Về án phí:** Bà Trần Thị Bích P phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Văn L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Trần Thị Bích P ly hôn với ông Lê Văn L.

2. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

3. *Về án phí:*

- Bà Trần Thị Bích P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2019/0004628 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Lê Văn L không phải chịu tiền án phí.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Phước Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyên